

PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM SAU PHONG TRÀO “XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 2010-2020”

PGS.TS. Đinh Văn Hải*

Phong trào “Xây dựng nông thôn mới” thực hiện ở Việt Nam từ những năm 2010 - 2020, theo Chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới, được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam phê duyệt ngày 04/6/2010, sau đó được tiếp tục thực hiện giai đoạn 2016 - 2020, được Thủ tướng chính phủ ký ban hành ngày 16/08/2016. Sau 10 năm xây dựng nông thôn mới (2010-2020), Chương trình đã đạt được những kết quả “to lớn, toàn diện và mang tính lịch sử”. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện vẫn còn một số hạn chế, bất cập, Vì vậy, phát triển nông nghiệp sau phong trào Xây dựng nông thôn mới, phát huy những thành quả đã được xây dựng từ phong trào Xây dựng nông thôn mới là đòi hỏi cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

• Từ khóa: cơ chế tài chính, xây dựng nông nghiệp, nông thôn, chương trình mục tiêu quốc gia

The movement “Building a new countryside” has been implemented in Vietnam from 2010 to 2020, according to the National Target Program: Building a new countryside, approved by the Prime Minister of Vietnam on 04/03. 6/2010, then continued to be implemented in the period 2016 - 2020, signed and promulgated by the Prime Minister on August 16, 2016. After 10 years of building a new countryside (2010-2020), the Program has achieved “great, comprehensive and historic” results. However, besides the achieved results, there are still some limitations and inadequacies in the implementation process. Therefore, agricultural development after the movement of building new countryside, promoting the achievements that have been built. from the new rural construction movement is an urgent requirement in the current period. This study will go deeper to find out about this issue.

• Keywords: financial mechanism, building agriculture and rural areas, national target program.

Ngày nhận bài: 15/10/2021

Ngày gửi phản biện: 20/10/2021

Ngày nhận kết quả phản biện: 15/11/2021

Ngày chấp nhận đăng: 25/11/2021

tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phấn đấu đến năm 2015: 20% số xã đạt tiêu chuẩn Nông thôn mới; năm 2020: 50% số xã đạt tiêu chuẩn Nông thôn mới (theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới).

Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới gồm 11 nội dung:

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới, 2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, 3. Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, 4. Giảm nghèo và an sinh xã hội, 5. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn, 6. Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn, 7. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn, 8. Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn, 9. Cấp nước sạch

I. Phong trào “Xây dựng nông thôn mới”

1.1. Vài nét về phong trào “Xây dựng nông thôn mới”

Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 với mục tiêu là: Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ

* Học viện Tài chính

và vệ sinh môi trường nông thôn, 10. Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn, 11. Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn.

1.2. Kết quả 10 năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới (2010 - 2020)

Trong 10 năm qua, Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới đã trở thành một phong trào sôi nổi, rộng khắp trên cả nước và đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể:

- Huy động nguồn lực lớn Xây dựng nông thôn mới. Tính chung, cả nước đã huy động được hơn 3.000 tỷ đồng (tương đương khoảng 110 tỷ USD). Trong đó, ngân sách nhà nước các cấp hỗ trợ trực tiếp cho chương trình là 319.289 tỷ đồng (bình quân khoảng 35,9 tỷ đồng/xã trong 9 năm), chiếm 13,2%; ngân sách địa phương các cấp: 264.988 tỷ, chiếm 83% tổng ngân sách, ngân sách trung ương: 54.300 tỷ.

- Cả nước đã có 5.415 xã và 173 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

- Nhiều chính sách mới được ban hành kịp thời như: Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn; Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 nhằm triển khai thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Đề án “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2014-2020”, “Quy hoạch phát triển nhân lực ngành giai đoạn 2011-2020”.

- Hệ thống hạ tầng nông thôn được phát triển mạnh mẽ; sản xuất nông nghiệp hàng hóa được coi trọng; ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp; mô hình Hợp tác xã kiểu mới phát triển liên kết theo chuỗi giá trị gắn với an toàn thực phẩm, môi trường và văn hóa cộng đồng,...

- Xây dựng nông thôn mới trở thành phong trào chung, rộng rãi của toàn xã hội.

II. Thực trạng phát triển nông nghiệp Việt Nam sau phong trào Xây dựng nông thôn mới thời gian qua

- Nguồn lực đất đai và lao động cho phát triển nông nghiệp

+ Về ruộng đất, năm 2019, diện tích đất cả nước: 33.131.713 ha, diện tích đất nông nghiệp là 27.986.390 ha, trong đó, đất sản xuất nông nghiệp: 11.746.455 ha, bao gồm: 6.784.212 ha đất trồng cây hàng năm; 4.962.244 ha đất trồng cây lâu năm; 15.381.113 ha đất lâm nghiệp; 786.002 ha đất nuôi trồng thủy sản; 15.637 ha đất làm muối và 57.182 ha đất nông nghiệp khác, tăng 1.189.294 ha so với năm 2010. Tuy nhiên, đứng trước tình trạng biến đổi khí hậu đang diễn ra rất phức tạp, nguy cơ bị mất đất, giảm diện tích đất canh tác ở nhiều nơi và đặc biệt là ở đồng bằng sông Cửu Long là nguy cơ hiện hữu, sẽ ảnh hưởng rất lớn đến phát triển nông nghiệp nước ta trong tương lai.

+ Về lao động, lao động trong lĩnh vực Nông nghiệp, trong những năm qua có xu thế giảm dần theo sự phát triển của nền kinh tế, tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một bộ phận lớn đang làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp: với gần 18 triệu lao động, chiếm 33,6% lực lượng lao động toàn xã hội. Lao động nông nghiệp Việt Nam đa số vẫn còn ở trình độ thấp, thiếu kiến thức khoa học, thiếu kiến thức quản trị đồng ruộng, quản trị trang trại; thiếu kiến thức thị trường,... hiện có tới 70% số lao động chưa qua bất kỳ một khóa đào tạo chuyên môn nào; mới có 4% lao động đã qua đào tạo, lao động có trình độ đại học chỉ chiếm khoảng 9%. Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm vẫn khá phổ biến ở nông thôn.

- Huy động vốn cho phát triển nông nghiệp

Trong thời gian qua, bên cạnh việc thực hiện chương trình mục tiêu “Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020”, trong vòng 10 năm, tổng vốn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp tăng nhanh từ 22 nghìn tỷ đồng lên đến hơn 231 nghìn tỷ đồng (năm 2018), đã tạo điều kiện từng bước CNH-HĐH, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nông thôn.

Tuy nhiên, vốn đầu tư của NSNN cho nông nghiệp còn hạn chế, phát huy hiệu quả chưa cao; vốn FDI vào nông nghiệp đạt thấp khoảng 0,97% tổng vốn FDI vào Việt Nam, trong khi mức trung bình toàn cầu là 3% của tổng vốn FDI; việc tiếp cận tín dụng ngân hàng đối với doanh nghiệp nhỏ

và hộ dân còn khó khăn. Nhìn chung, nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn thời gian qua còn hạn chế, mới đáp ứng 55-60% nhu cầu.

- Thu hút doanh nghiệp về nông nghiệp, nông thôn

Việc thu hút doanh nghiệp về nông nghiệp, nông thôn diễn ra còn khá yếu, số lượng doanh nghiệp nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng số các doanh nghiệp cả nước, có tới 95% doanh nghiệp nông nghiệp có quy mô nhỏ và vừa. Những thủ tục và các quy định đặt ra cho những doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp đang là một trong những hạn chế đáng quan ngại. Cùng với đó, khó khăn về đất đai thường gặp đối với doanh nghiệp nông nghiệp là thiếu đất cho vùng nguyên liệu, thiếu đất xây dựng trụ sở, khu chế biến, giá thuê đất cao, đang là những rào cản lớn để doanh nghiệp đầu tư và phát triển sản xuất, kinh doanh ở khu vực nông nghiệp, nông thôn,...

- Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp

Tiến bộ về khoa học công nghệ hiện đang đóng góp trên 30% giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp, 38% trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi. Mức độ tổn thất của nông sản đã giảm đáng kể (lúa gạo còn dưới 10%,...). Mức độ cơ giới hóa ở khâu làm đất đối với các loại cây hàng năm (lúa, mía, ngô, rau màu) đạt khoảng 94%; khâu thu hoạch lúa đạt 50% (các tỉnh đồng bằng đạt 90%).

Công nghiệp chế biến nông sản phát triển nhanh cùng với ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản. Trong 5 năm (2016-2020), có 67 nhà máy chế biến nông sản lớn, hiện đại được khởi công mới, đi vào hoạt động với tổng mức đầu tư khoảng 2,58 tỷ USD, tạo ra năng lực mới thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nông nghiệp theo chiều sâu.

Nhiều mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn doanh nghiệp - hợp tác xã - hộ nông dân đã hình thành và được nhân rộng; chương trình

Bảng 2.1. Cơ cấu ngành Nông nghiệp Việt Nam theo giá thực tế

| Năm | Toàn ngành | Nông nghiệp thuần | | Lâm nghiệp | | Thủy sản | |
|------|------------|-------------------|------------|-------------------|------------|-------------------|------------|
| | | Giá trị (tỷ đồng) | Cơ cấu (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Cơ cấu (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Cơ cấu (%) |
| 2010 | 396.576 | 315.310 | 79,5 | 15.136 | 3,8 | 66.130 | 16,7 |
| 2011 | 543.960 | 393.283 | 72,3 | 17.407 | 3,2 | 133.270 | 24,5 |
| 2012 | 638.368 | 495.592 | 77,6 | 20.840 | 3,3 | 121.936 | 19,1 |
| 2013 | 658.981 | 503.556 | 76,4 | 23.996 | 3,6 | 131.429 | 19,9 |
| 2014 | 696.969 | 540.513 | 77,6 | 28.200 | 4,0 | 128.256 | 18,4 |
| 2015 | 712.460 | 533.633 | 74,9 | 30.636 | 4,3 | 148.192 | 20,8 |
| 2016 | 734.830 | 548.183 | 74,6 | 33.802 | 4,6 | 152.845 | 20,8 |
| 2017 | 768.161 | 559.989 | 72,9 | 36.872 | 4,8 | 171.300 | 22,3 |
| 2018 | 813.723 | 580.998 | 71,4 | 40.686 | 5,0 | 192.039 | 23,6 |
| 2019 | 836.234 | 588.709 | 70,4 | 43.484 | 5,2 | 204.041 | 24,4 |

Nguồn: Tổng cục Thống kê

“Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) mới được triển khai nhưng đã đạt được nhiều kết quả tích cực, có tốc độ phát triển mạnh mẽ, đã có trên 3.200 sản phẩm OCOP được công nhận.

- Cơ cấu sản xuất nông nghiệp

Trong 10 năm qua, cơ cấu sản xuất của ngành Nông nghiệp tiếp tục được điều chỉnh, chuyển từ mục tiêu số lượng sang chất lượng và giá trị gia tăng. Cơ cấu ngành hàng, sản phẩm có sự thay đổi, tăng tỷ trọng các sản phẩm có lợi thế và thị trường như: Thủy sản, rau, hoa, quả nhiệt đới,... Trong ngành trồng trọt, chú trọng phát triển các loại cây ăn quả có giá trị cao: cam, quýt, xoài, bên cạnh duy trì, ổn định diện tích trồng cây lương thực,... Cây công nghiệp tập trung phát triển: hạt điều, cà phê, chè, hồ tiêu,... trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản nội địa: chủ yếu các loại: tôm, cá, ươn, nuôi giống,... trong ngành chăn nuôi, tập trung phát triển mạnh gia cầm lấy trứng, bên cạnh phát triển những loại vật nuôi truyền thống: chăn nuôi lợn,...

- Tiêu thụ nông sản

Thị trường tiêu thụ nông, lâm, thủy sản được mở rộng, phát triển, nâng cấp các chuỗi giá trị trong nước và chế biến, xuất khẩu, đa dạng hóa thị trường, chất lượng cao, thúc đẩy thương mại nông sản chính ngạch. Tăng nhanh tỷ trọng sản phẩm chất lượng cao, có lợi thế như thủy sản, rau, hoa, quả, đồ gỗ và lâm đặc sản...

Đến nay, nông sản Việt đã đến trên 196 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có những thị trường khó tính như Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU... Tổng kim

ngạch xuất khẩu nông, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2016-2020 đạt 190,5 tỷ USD, riêng năm 2020 đạt 41,25 tỷ USD, vượt mục tiêu đề ra (và cao hơn nhiều so với mức đạt 30,45 tỷ USD của năm 2015), đưa Việt Nam vào nhóm đứng đầu Đông Nam Á và đứng thứ 14 thế giới về xuất khẩu nông lâm thủy sản.

Tuy nhiên, khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp còn thấp, chất lượng thấp, thiếu nhãn mác để nhận diện, chưa có truy xuất nguồn gốc, chưa có thương hiệu trên thị trường. Đa phần sản phẩm nông sản của Việt Nam xuất khẩu ở dạng thô, chưa qua chế biến, chiếm trên 80% kim ngạch xuất khẩu. Theo Tổng cục Hải quan (2020), thị trường xuất khẩu lệ thuộc phần lớn vào Trung Quốc (trên 60% sản lượng rau quả, trên 60% cao su) nhưng chủ yếu qua đường tiểu ngạch nên giá trị thấp.

- Đóng góp của nông nghiệp trong cấu thành GDP của đất nước

Đóng góp của nông nghiệp trong cấu thành GDP của đất nước ngày càng tăng: Năm 2005: 176.402,00 tỷ đồng; năm 2009: 346.786,00 tỷ đồng; năm 2010: 396.576 tỷ đồng, năm 2015: 712.460 tỷ đồng; năm 2020: 934.731,01 tỷ đồng, như vậy, năm 2020 tăng gấp 2,36 lần so với năm 2010.

Bảng 2.2. Tổng sản phẩm trong nước ngành nông nghiệp theo giá thực tế

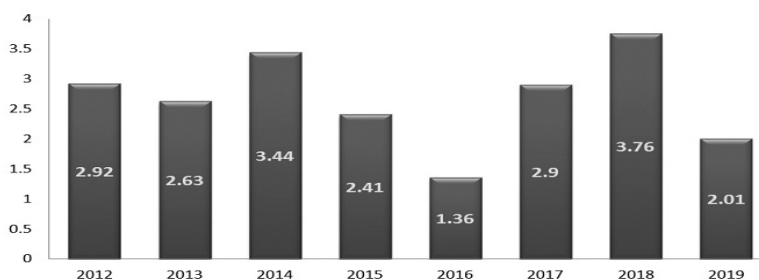
| | Nông, lâm nghiệp và thủy sản | |
|------------|------------------------------|------------|
| | Giá trị (Tỷ đồng) | Cơ cấu (%) |
| 2010 | 396.576,00 | 18,38 |
| 2011 | 543.960,00 | 19,57 |
| 2012 | 623.815,00 | 19,22 |
| 2013 | 643.862,00 | 17,96 |
| 2014 | 696.969,00 | 17,70 |
| 2015 | 712.460,00 | 17,00 |
| 2016 | 734.830,00 | 16,32 |
| 2017 | 768.161,00 | 15,34 |
| 2018 | 813.724,00 | 14,68 |
| 2019 | 842.600,55 | 13,96 |
| Sơ bộ 2020 | 934.731,01 | 14,85 |

Nguồn: Tổng cục Thống kê

- Tăng trưởng sản xuất của nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020

Giai đoạn 2010 - 2020, có thể nói đây là một giai đoạn mà nông nghiệp Việt Nam liên tục gặp rất nhiều khó khăn và thách thức, dẫn đến tăng trưởng không đều giữa các năm, tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp vẫn đạt được những kết quả khá ấn tượng: mức tăng trưởng trung bình đạt 2,68%.

Hình 1: Biểu đồ tăng trưởng ngành Nông nghiệp giai đoạn 2012 - 2019 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Nhìn vào biểu đồ tăng trưởng ngành Nông nghiệp trên, chúng ta cũng đã thấy rõ sự vất vả và khó khăn trong phát triển của sản xuất nông nghiệp trong thời gian qua: năm 2012, tốc độ tăng trưởng toàn ngành đạt: 2,92%; Năm 2016, tốc độ tăng trưởng toàn ngành đạt: 1,36%, một tốc độ tăng thấp nhất trong 10 năm (2010 - 2020); Năm 2020 là năm thách thức rất lớn: đại dịch Covid-19; lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra ở cả ba miền; thị trường tiêu thụ một số nông sản chịu tác động từ chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn, các nước gia tăng áp dụng những biện pháp bảo hộ, hàng rào kỹ thuật khiến ngành nông nghiệp Việt Nam năm 2020 chịu nhiều tác động bất lợi, tuy nhiên nông nghiệp Việt Nam vẫn vượt qua khó khăn, thách thức, vẫn đạt tốc độ tăng trưởng GDP 2,65%, tổng giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp năm 2020 tăng 3,28% so với năm 2019.

- Xuất khẩu nông sản hàng hóa

Giai đoạn 2010-2020, trong lĩnh vực xuất khẩu đạt được những thành tích rất ấn tượng: không chỉ gia tăng về mặt số lượng, giá trị, mà còn mở rộng thị trường, ký kết nhiều FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới, thâm nhập nhiều thị trường khó

tính: EU, Mỹ, Nhật,... Năm 2010, tổng giá trị xuất khẩu nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 19,15 tỷ USD, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2018, tổng giá trị xuất khẩu nông sản đạt 40,02 tỷ USD, tăng 11% so với năm 2017. Năm 2020, tổng giá trị xuất khẩu nông sản đạt 41,2 tỷ USD, tăng 2,5% so với năm 2019 (đứng thứ 14 thế giới), đây là thành quả đáng kinh ngạc của những người nông dân và các doanh nghiệp Việt trong tình hình hết sức khó khăn do dịch bệnh Covid-19.

Tuy nhiên, đa phần sản phẩm nông sản của Việt Nam xuất khẩu ở dạng thô, chưa qua chế biến, chiếm trên 80% kim ngạch xuất khẩu. Theo Tổng cục Hải quan (2020), thị trường xuất khẩu lệ thuộc phần lớn vào Trung Quốc (trên 60% sản lượng rau quả, trên 60% cao su) nhưng chủ yếu qua đường tiểu ngạch.

- Hiệu quả sử dụng đất đai (năng suất đất đai), lao động trong nông nghiệp

Nếu như năm 2010 giá trị thu được trên một ha đất trồng trọt là 54 triệu đồng, một ha đất nuôi trồng thủy sản: 103,8 triệu đồng, thì năm 2020, giá trị thu được trên một ha đất trồng trọt là 102,8 triệu đồng, một ha đất nuôi trồng thủy sản: 237,8 triệu đồng, cao hơn so với năm 2010: 1,9 lần trên đất trồng trọt và 2,3 lần trên đất nuôi trồng thủy sản.

- Năng suất lao động trong lĩnh vực nông nghiệp

Sau 10 năm, năm 2020 năng suất lao động trong nông nghiệp là: 52,74 triệu/ người lao động, thì năm 2010 là: 16,6 triệu/ người lao động, cao hơn gấp gần 3,2 lần (cao hơn 317,77% so với năm 2010). Đây là sự nỗ lực rất lớn của người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp nước nhà.

Giai đoạn 2010-2020, là một khoảng thời gian thiên tai, dịch bệnh xảy ra liên miên, thị trường trong nước và thế giới có nhiều biến động bất lợi,... nhưng nông nghiệp vẫn phát triển và đạt được những thành tựu khá ấn tượng, tuy nhiên nông nghiệp Việt Nam giai đoạn này vẫn còn nhiều tồn tại cần giải quyết:

- Cơ cấu lại nông nghiệp triển khai chưa đồng đều ở các địa phương; tổ chức sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị chưa trở thành phổ biến, kinh tế hộ nhỏ lẻ vẫn chiếm tỷ trọng cao và tiếp tục bộc

lộ những hạn chế, yếu kém cản trở quá trình sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

- Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao còn chậm và gặp nhiều khó khăn.

- Tập quán canh tác, sản xuất nông nghiệp vẫn theo phương thức truyền thống, quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ. Thiếu hụt lao động tay nghề cao trong nông nghiệp.

- Thị trường tiêu thụ nông sản phẩm ngày càng biến động, quản lý an toàn thực phẩm vẫn rất khó khăn, phức tạp. Khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp kém, chất lượng thấp, thiếu nhãn mác để nhận diện, chưa có truy xuất nguồn gốc, chưa có thương hiệu trên thị trường.

- Khoảng cách chênh lệch về kết quả xây dựng nông thôn mới giữa các vùng, miền khá lớn.

- Việc thu hút FDI và các dự án phát triển kinh tế, doanh nghiệp trong nông nghiệp còn chậm. Cơ sở vật chất kỹ thuật, điều kiện hạ tầng,... chưa phát triển đồng bộ.

III. Giải pháp phát triển nông nghiệp Việt Nam sau phong trào Xây dựng nông thôn mới

Để phát triển sản xuất nông nghiệp sau phong trào Xây dựng nông thôn mới 2010-2020, cần tập trung giải quyết những vấn đề chủ yếu sau:

3.1. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch và quản lý quy hoạch, kế hoạch sản xuất nông nghiệp

Trong quy hoạch nông nghiệp, cần nắm vững: “câu” của thị trường nông sản phẩm Việt Nam (bao gồm cả thị trường trong nước và thị trường nước ngoài), tiềm năng và lợi thế của nông nghiệp Việt Nam, chủ trương của Đảng, Chính phủ về phát triển nông nghiệp, nông thôn nói riêng, của toàn bộ nền kinh tế nói chung, để phân bổ đất đai và các nguồn lực cho phù hợp. Mặt khác, cần gắn chặt kế hoạch ngắn hạn và kế hoạch dài hạn, cần thường xuyên theo dõi để điều chỉnh kế hoạch kịp thời khi có những thay đổi trong thời gian thực hiện kế hoạch. Cần phải đảm bảo nguyên tắc: đồng bộ khi thực hiện bất kỳ thay đổi nào.

3.2. Cơ cấu lại ngành Nông nghiệp, gắn sản xuất với chế biến và thị trường

Cần tập trung vào phát triển sản xuất các loại nông sản hàng hóa xuất khẩu có lợi thế, nông sản

thay thế nhập khẩu với quy mô hợp lý. Nghiên cứu, phát triển chăn nuôi theo hướng chăn nuôi công nghiệp và bán công nghiệp. Tổ chức liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở, hộ gia đình chăn nuôi và các cơ sở chế biến.

Trong quá trình cơ cấu lại sản xuất ngành nông nghiệp, cần quán triệt quan điểm: kết hợp một cách chặt chẽ giữa ngành chính, ngành chuyên môn hóa với ngành bổ sung, bổ trợ và ngành phục phụ.

3.3. Đẩy mạnh hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm và phát triển hệ thống thị trường

Tái cơ cấu thị trường nội địa, phát triển hệ thống bán buôn, bán lẻ. Cần coi trọng cả thị trường trong nước và thị trường ngoài nước. Đối với thị trường xuất khẩu, bên cạnh việc duy trì thị trường truyền thống: Trung Quốc, Nga, các nước Đông Âu,... cần tích cực phát triển thị trường mới: Mỹ, Nhật, EU, thị trường châu Phi,... chú trọng xây dựng thương hiệu sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành để tăng sức cạnh tranh; Ngoài ra, Nhà nước còn hỗ trợ nông dân trong việc tiếp cận với thị trường (xúc tiến thương mại), xử lý các vấn đề tranh chấp của người sản xuất nông nghiệp trên thương trường quốc tế,...

3.4. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp

Ứng dụng công nghệ sinh học và xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao; Nâng cao khả năng phòng ngừa và khắc phục dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi; Tiếp tục thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ thông qua các doanh nghiệp xây dựng mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ gắn với tập huấn kỹ thuật cho bà con nông dân, góp phần thay đổi phương thức sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người nông dân; Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản.

3.5. Thúc đẩy phát triển các mô hình liên kết trong nông nghiệp và phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

Nhà nước cần hỗ trợ trực tiếp: vốn, tín dụng ưu đãi, đào tạo nhân lực, nâng cao kiến thức và kỹ năng khoa học công nghệ, kiến thức thị trường cho người lao động trong nông nghiệp. Trong điều

kiện hiện nay cần xây dựng cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền và hạ tầng nghề cá; Cấp điện sinh hoạt cho hầu hết dân cư, các cơ sở công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Bảo đảm điều kiện sản xuất và sống an toàn cho nhân dân vùng đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị thiên tai; Chủ động triển khai các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

3.6. Cần có chính sách huy động vốn và hỗ trợ tài chính thích hợp

Cần đơn giản hóa, linh hoạt điều kiện cho vay; mở rộng cho vay đối với hộ nông dân không phải thế chấp tài sản; xem xét nâng mức cho vay không có tài sản bảo đảm và kéo dài thời gian cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp đi vào CNH-HĐH, phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

3.7. Đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp trong bối cảnh mới

Nhân lực cho phát triển nông nghiệp đang là một trong những trở ngại rất lớn cho quá trình phát triển nông nghiệp nước ta hiện nay. Để có được đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu của phát triển nông nghiệp hiện nay cần có chương trình, quy trình và phương pháp đào tạo cho lao động nông thôn; cần có sự đổi mới theo hướng kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Chú trọng dạy nghề cho thanh niên nông thôn, nông dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động nữ, các đối tượng chính sách và lao động ở vùng đô thị hóa.

Tài liệu tham khảo:

Luật Đất đai năm 2013.

Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) 2014.

Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 và Quyết định số 342/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Ngày ban hành 20/02/2013.

Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5 tháng 4 năm 2016.

Quyết định số 1980/QĐ-TTg ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Ngày ban hành 17/10/2016.

Ngân hàng Thế giới (2016), Báo cáo phát triển Việt Nam 2016 - Chuyển đổi Nông nghiệp Việt Nam: Tăng giá trị, giảm đầu vào, NXB Hồng Đức, Hà Nội.

Niên giám thống kê 2020, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.